

Lời nói đầu

Dân tộc ta có một “pho lịch sử bằng vàng” mà thế kỷ 20 là những trang sử chói lọi bậc nhất của pho sử ấy.

Nếu đồng ý rằng thế kỷ 20 là thế kỷ “giải thực” (Décolonization) thì cuộc Cách mạng tháng Tám, cuộc kháng chiến chống Pháp và cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta đã góp vào lịch sử nhân loại như một trong những quá trình lịch sử tiêu biểu nhất cho chân lý của thời đại: thời đại “giải thực”, thời đại của sự kết hợp cách mạng vô sản với vấn đề giải phóng dân tộc!

Để hiểu rõ được vì sao một dân tộc “đất không rộng, người không đông” như dân tộc ta, lại có thể làm được kỳ tích, những thắng lợi có ý nghĩa quốc tế như thế, chúng ta không thể không xem xét đến sự gặp gỡ - hội nhập lịch sử giữa tinh hoa văn của văn hóa phương Tây và phương Đông, trong đó có nền văn hóa độc đáo của dân tộc ta; mà thể hiện rõ nhất của cuộc gặp gỡ ấy chính là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác Lê – nin với kinh nghiệm và truyền thống đánh giặc giữ nước mấy nghìn năm của dân tộc. Đường lối chiến tranh nhân dân Việt Nam, phương pháp bạo lực cách mạng tổng hợp (“hai chân ba mũi, ba vùng, ba thứ quân, ba quy mô, ba mặt trận, hai hình thái...”) là những sản phẩm của “chất xám Việt Nam” có cội nguồn sâu xa từ dân gian Việt Nam mà Đảng ta là người tổng kết bằng phương pháp luận chủ nghĩa Mác Lê – nin.

Chính bằng “bừu bối” ấy, “chất xám” ấy, chúng ta đã đọ sức và đã thắng biết bao nhiêu nhà chính trị, nhà quân sự tài ba của Pháp và của Mỹ. Tài trí của các giáo sư lừng danh trong “top ten” của Mỹ, của hai Đảng Dân chủ và Cộng Hòa của Mỹ, của 5 đời tổng thống... đã có dịp cọ sát với trí tuệ Việt Nam, mà phần lớn là xuất phát từ làng quê, kết hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin! Như thế, đằng sau những trang sử Việt Nam thời hiện đại, nhất là thời kỳ 1945 – 1975, còn có những “ẩn số X” đang cần được giải!

Lịch sử Việt Nam 1945 – 1975 là cuốn sách tham khảo dành cho sinh viên học giáo trình Lịch sử Việt Nam hiện đại. Nó chủ yếu cung cấp những sự kiện và nhận định cơ bản, có tính gợi ý cho sinh viên “mang câu hỏi lớn trong đầu mà đi tìm chân lý lịch sử”. Mong sao các bạn sinh viên sẽ đọc thêm nhiều tài liệu tham khảo khác được giới thiệu trong chương trình học.

Sách được Tổ bộ môn Lịch sử Việt Nam, Khoa Sử Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thực hiện theo sự phân công cụ thể như sau: PGS. Hồ Sỹ Khoách – Chủ biên, viết phần thứ nhất, PTS. Hà Minh Hồng – viết phần thứ hai, PTS. Võ Văn Sen – viết phần thứ ba. Các tác giả không coi đây là một công trình lịch sử đã hoàn hảo. Rất mong người học, người đọc góp ý kiến phê bình.

Nhân lần xuất bản này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Khoa Sử, Ban xuất bản Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, các đồng nghiệp và các bạn sinh viên đã nhiệt tình giúp cho tập giáo trình được tái phát hành.

Tp. Hồ Chí Minh , tháng Mười Hai, 1997

CÁC TÁC GIẢ

Phần thứ nhất

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HÒA. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP TRỞ LẠI XÂM LƯỢC VIỆT NAM (1945 – 1954)

I. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HÒA NĂM ĐẦU TIÊN SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

1. Tình hình nước Việt Nam dân chủ cộng hòa lúc mới ra đời

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trẻ tuổi ra đời trong một tình thế vô cùng phức tạp. Chiến tranh thế giới lần thứ II kết thúc một mặt đem lại cho Việt Nam những thuận lợi mới, mặt khác cũng đem lại cho Việt Nam những khó khăn mới. Thắng lợi của Liên Xô và của các lực lượng cách mạng, tiến bộ trong chiến tranh đã làm lay chuyển tận gốc hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành một hệ thống thế giới và đang là nhân tố quyết định của sự phát triển xã hội loài người. Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latin phát triển sôi nổi chưa từng thấy. Chính quyền nhân dân và tiến bộ được thành lập ở những nước châu Á như Việt Nam, Lào, Trung Quốc, Mã Lai, Miến Điện, In-đô-nê-xi-a... Phong trào đấu tranh cho dân tộc, dân chủ, cho sự tiến bộ xã hội cũng đang trỗi dậy ở nhiều nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ La tinh.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa phong trào đấu tranh cho hòa bình, đấu tranh đòi tự do dân chủ cải thiện đời sống của giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiếp tục dâng lên ngày càng mạnh.

Hàng ngũ của chủ nghĩa đế quốc đã bị suy yếu nghiêm trọng và không còn giữ được địa vị ưu thế như trước cuộc đại chiến thế giới. Cuộc vật lộn giành giật quyền lợi, hắt cẳng và chèn ép lẫn nhau trong nội bộ chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là mình đã dùng mọi thủ đoạn xảo quyệt và trắng trợn để cứu vãn sự suy sụp của chúng nhằm chống lại các lực lượng cách mạng thế giới, nhất là cao trào giải phóng dân tộc đang dâng lên mạnh mẽ.

Đó là đặc điểm nổi bật của tình hình quốc tế sau chiến tranh. Sự thay đổi về so sánh lực lượng ấy đã đưa lại cho phong trào cách mạng thế giới, nhất là phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc vào những thuận lợi căn bản. Nó cổ vũ tinh thần đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc của nhân dân các nước thuộc địa, nó kìm chân và làm yếu lực lượng của chủ nghĩa đế quốc ở nhiều địa bàn.

Song bên cạnh mặt thuận lợi cũng có mặt không thuận lợi. Sau chiến tranh, bọn đế quốc ra sức chống phá phong trào cách mạng, tìm mọi cách chiếm lại các thuộc địa đã mất, và tranh giành thuộc địa lẫn nhau. Việt Nam trở thành đối tượng đàn áp và giành giật của các đế quốc Anh, Pháp, Mỹ và

bọn tay sai của chúng. Và có thể nói khi ấy Việt Nam nằm giữa vòng vây của chủ nghĩa đế quốc.

Trong nước, sau khi chính quyền cách mạng ra đời chưa đầy một tháng thì các quân đội của Anh và Tưởng Giới Thạch lợi dụng danh nghĩa Đồng minh vào Đông Dương giải giáp quân đội Nhật để thực hiện âm mưu xâm lược của họ.

Ở miền Bắc Việt Nam, 20 vạn quân của Tưởng Giới Thạch chiếm đóng hầu hết các thành phố, thị xã, thị trấn. Chúng giúp cho Việt Nam Quốc dân đảng, Việt Nam cách mệnh đồng chí hội lập ra các tổ chức phản động ở nhiều thị trấn, thị xã. Âm mưu cơ bản của Tưởng là lật đổ chính quyền nhân dân, lập ra chính quyền phản cách mạng làm tay sai cho chúng, thực hiện ý đồ của Mỹ biến Đông Dương thành khu vực có chế độ, “Ủy trị quốc tế”, thực ra là một loại thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Dựa vào quân đội của Tưởng, bọn tay sai ra sức chống phá chính quyền cách mạng, chúng gây ra các vụ cướp tống tiền, cốt làm mất ổn định tình hình chính trị xã hội, từ đó làm suy yếu nhá nước của nhân dân.

Ở miền Nam Việt Nam, quân đội của đế quốc Anh cũng dưới danh nghĩa đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, họ đã trực tiếp trang bị và giúp đỡ cho thực dân Pháp. Quay lại xâm lược Đông Dương, nhằm ngăn chặn phong trào đấu tranh cho độc lập dân tộc và dân chủ của thực dân Pháp đã có ngay từ trong chiến tranh thế giới lần thứ hai. Khi chiến tranh thế giới kết thúc, thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị kế hoạch tái chiếm Đông Dương. Được sự che chở và giúp đỡ của quân đội Anh, thực dân Pháp bắt đầu thực hiện kế hoạch xâm chiếm Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, dùng miền Nam làm bàn đạp xâm lược toàn bộ nước ta một lần nữa. Bè lũ phản động thân pháp, Nhật trước đây như bọn Tư-rốt-kít, Đại Việt, Quốc dân đảng ngóc đầu dậy làm tay sai cho đế quốc Pháp.

Âm mưu và hành động xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đã đặt dân tộc Việt Nam trước một nguy cơ rất lớn: chính quyền nhân dân có thể bị tiêu diệt nếu như không có sức mạnh của toàn dân xiết chặt hàng ngũ dưới sự lãnh đạo của Đảng, của nhà nước ta và của Hồ Chủ tịch quyết đánh bại âm mưu đen tối của chúng.

Mối đe dọa của chính quyền nhân dân còn xuất phát từ một phía khác. Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập, chưa được củng cố. Lực lượng vũ trang của ta òn non yếu, tổ chức, trang bị và kinh nghiệm chiến đấu của ta còn ít. Nền kinh tế, tài chính của ta sau chiến tranh lâm vào kiệt quệ, xơ xác. Nạn lụt lớn xảy ra ở 9 tỉnh thuộc miền Bắc ngay sau khi nhân dân ta vừa giành được chính quyền. Hết lụt lớn là nạn hạn hán kéo dài làm cho 50% ruộng đất không thể cày cấy được. Nạn đói đầu năm 1945 vừa cướp đi sinh mạng của hơn hai triệu đồng bào ta, nay lại đang đe dọa rất nghiêm trọng. Nền kinh tế nước ta vốn là nông nghiệp lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá

nâng nề đang ở trong tình trạng đình đốn. Nhiều xí nghiệp còn nằm trong tay bọn tư bản thực dân Pháp, chưa phục hồi được sản xuất; hàng vạn công nhân bị thất nghiệp. Đời sống nhân dân vô cùng thiếu thốn. Tài chính tiền tệ bị thiếu hụt nặng, kho bạc của Trung ương chỉ còn hơn 1,2 triệu đồng Đông Dương trong đó 58 vạn là bạc rách; đồng bạc Đông Dương bị mất giá vì lạm phát. Những khó khăn trầm trọng về tài chính, tiền tệ còn d ngân hàng Đông Dương vẫn nằm trong tay bọn tư bản tài chính Pháp. Chúng dựa vào đây để gây sức ép với ta như đình chỉ ứng tiền cho ngân khố nhà nước ta. Chúng tuyên bố hủy bỏ giấy bạc 500 đồng (thực chất là cướp không tài sản của ta một cách trắng trợn) trong khi ta chưa có giấy bạc của riêng mình. Những khó khăn đó còn do phía quân đội Tưởng tung đồng tiền “quan kim” và “quốc tệ” mất giá lưu hành trên thị trường Việt Nam.

Có thể nói chưa bao giờ dân tộc ta đứng trước nhiều khó khăn phức tạp như vậy. Vận mệnh Tổ quốc như ngàn cân treo sợi tóc. Lịch sử đặt ra cho Đảng, chính phủ và nhân dân ta những nhiệm vụ nặng nề có ý nghĩa quyết định đến tương lai, đòi hỏi không những phải có lòng quyết tâm và quả cảm mà còn phải có đủ trí sáng suốt, bình tĩnh để vượt qua mọi thác ghềnh nguy hiểm, mọi sóng to gió cả, được con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua mọi hiểm nghèo tiến lên phía trước, giữ vững và bảo vệ cho kỳ được chính quyền cách mạng, độc lập của tổ quốc.

Trên cơ sở ý chí cách mạng và yêu nước của nhân dân, đối với khối đại đoàn kết dân tộc trong mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng ta, đứng đầu là Hồ Chủ tịch đã nắm vững tay lái đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua hiểm nghèo, tiến lên phía trước, lãnh đạo nhân dân chống thù trong giặc ngoài, khắc phục mọi nguy nan, giữ vững và bảo vệ chính quyền cách mạng trong điều kiện cực kỳ nặng nề đó.

2. Kháng chiến ở Nam Bộ và nam phần Trung Bộ

Cách mạng tháng Tám thành công chưa đầy một tháng thì thực dân Pháp đã nổ súng gây hấn ở Nam Bộ ngày 23/9/1945. Với lực lượng gồm 6.000 lính Pháp, dựa vào sự giúp đỡ của hơn một vạn quân Anh và bốn vạn quân Nhật, thực dân Pháp mưu toan đánh chiếm Nam Bộ trong vòng bốn tuần để từ đó làm bàn đạp đánh chiếm toàn bộ ước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Trước tình hình đó, sáng ngày 23/9/1945, Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Bộ họp tại đường Cây Mai, Chợ Lớn (nay là số 627-629 Nguyễn Trãi, quận 5). Dự Hội nghị còn có đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Trung ương Đảng và tổng bộ Việt Minh. Hội nghị quyết định phát động nhân dân Nam Bộ đứng dậy kháng chiến.

Quyết định của Hội nghị Cây Mai đã được Trung ương Đảng, chính phủ và Hồ Chủ tịch tán thành và quyết tâm lãnh đạo, tổ chức lực lượng cả nước chi viện về mọi mặt cho cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Khẳng định quyết tâm đó, Hồ Chủ tịch đã nêu rõ: “bọn thực dân Pháp phải biết rằng dân

Việt Nam không muốn đổ máu, dân Việt Nam yêu chuộng hòa bình, nhưng nếu cần phải hi sinh mấy triệu chiến sĩ, nếu cần phải kháng chiến bao nhiêu năm để giữ gìn độc lập của Việt Nam để cho con cháu Việt Nam khỏi kiếp nô lệ thì thế nào chúng ta cũng vẫn kiên quyết hy sinh. Vì dân Việt Nam tin chắc rằng thế nào cuộc kháng chiến này cũng sẽ thành công”¹.

Giữ vững lời thề độc lập, nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn, nhân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Cuộc chiến đấu của nhân dân Nam Bộ trong những ngày đầu khói lửa mặc dù đội ngũ chưa được tổ chức chặt chẽ, vũ khí thô sơ và rất nhiều thiếu thốn nhưng đã diễn ra hết sức oanh liệt. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang đánh địch trên các đường phố, ngay chiều ngày 23/9/1945, nhân dân Sài Gòn đã triệt để tổng bãi công bãi thị, triệt để tản cư ra khỏi thành phố, kiên quyết không hợp tác với giặc Pháp. Các công sở, xí nghiệp, hãng buôn đều đóng cửa, chợ không người họp, xa ngừng chạy. Công nhân nhà máy đồng loạt nghỉ việc. Nhà đèn bị phá, mọi thứ vật dụng như giường tủ, bàn ghế, quày hàng, xe bò, xe kéo, xe thổ mộ... đều được kéo ra đường. Các cơ sở kinh tế kho tàng đã bị phá, một số cầu đường bị đánh sập và phá hoại. Cả thành phố ngổn ngang vật chướng ngại cản bước tiến quân địch.

Kết hợp đánh địch vòng ngoài và đánh địch trong thành phố, cho tới ngày 30/9, sau một tuần lễ khởi hân, quân Pháp chưa thoát ra được ngoài khu vực cư trú và rất khôn đốn, mặc dù chúng có chỗ dựa của quân Anh và quân Nhật để chiếm được một số công sở nội thành. Nhiều lần chúng dựa vào quân Anh, quân Nhật để phá vòng vây Sài Gòn nhưng đều bị thất bại. Đối với kẻ thù, Sài Gòn trở thành một thành phố chết, một thành phố không điện nước, thiếu lương thực, không có hoạt động sản xuất. Điều đó gây cho chúng một nỗi kinh hoàng lo sợ.

Để gỡ thế khó khăn và để chờ viện binh, Pháp đã nhờ Gơ-ra-xi (Gracey) làm trung gian xin điều chỉnh với ta, cũng cần tỏ rõ thái độ thiện chí và lập trường chính nghĩa của mình, mặt khác ta cũng cần có thời gian để đưa nhân dân tản cư khỏi thành phố, tranh thủ củng cố lực lượng, chuẩn bị cho lâu dài, ta đã chấp nhân ngừng bắn một tuần lễ để điều đình. Trong thời gian đình chiến, để gây áp lực đối với Pháp. Ủy ban kháng chiến Nam Bộ ra lệnh triệt để thi hành tổng đình công và bất hợp tác với giặc trong toàn xứ. Cuộc đình chiến không đi đến kết quả do âm mưu ngoan cố của Pháp cốt để chờ viện binh, chuẩn bị lực lượng phá vòng vây Sài Gòn – Chợ Lớn. Cuộc chiến đấu của nhân dân Sài Gòn-Chợ Lớn lại diễn ra ác liệt hơn.

Đúng như dự đoán của ta, ngày 3/10, một tiểu đoàn thuộc trung đoàn thuộc địa số 5 (5 RIC) của Pháp đến Sài Gòn. Ngày 5/10, tướng Lơ-cơ-lec (Lecelerc) đến Sài Gòn nhưng với các đơn vị bộ binh và sư đoàn xe bọc thép mới từ Pháp tăng viện. Cũng trong thời gian này, những đơn vị cuối cùng

¹ Hồ Chí Minh tuyển tập, ST, H. 1960 tr226

của sư đoàn 20 quân đội Hoàng gia Anh đến Sài Gòn. Dựa vào sự so sánh lực lượng có lợi đó, lại được sự hỗ trợ của quân Anh, quân Nhật, Lơ-cơ-lac quyết định phá vòng vây Sài Gòn.

Từ ngày 10/10 quân Anh mượn tiếng quân đồng minh đi giải giáp quân đội Nhật ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ, dọn đường cho Pháp mở rộng chiếm đóng các tỉnh phụ cận Sài Gòn.

Cuối tháng 10/1945 thực dân Pháp được tăng viện thêm trung đoàn bộ binh Ma-rốc, một tiểu đoàn kỵ binh và một đội thủy binh. Đến cuối tháng 11/1945, chúng đã chiếm các thị xã, các đường giao thông chiến lược, vùng cao su các tỉnh miền Đông, miền Trung và một phần miền Tây Nam Bộ. Từ tháng 12/1945 trở đi địch đánh phá mạnh, mở rộng vùng chiếm đóng ở nông thôn, càn quét ác liệt. Như vậy trong vòng 3 tháng, với quân số được tăng viện và với ưu thế về hỏa lực, trang bị, lại được quân Anh hỗ trợ, quân Pháp đã chiếm đóng hầu hết các thành phố, thị xã, các đường giao thông chiến lược ở Nam Bộ.

Cùng với việc đánh phá các tỉnh Nam Bộ, quân Pháp cũng mở rộng chiến tranh ra các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây nguyên. Ngày 19/10/1945 một tiểu đoàn quân Pháp dưới sự che chở của quân đội Anh và quân đội Nhật đổ bộ lên Nha Trang dọn đường để chiếm đóng các tỉnh miền Nam Trung Bộ. Nhưng ở đây bị ta bao vây và phản công mạnh, nên thực dân Pháp buộc phải dùng lực lượng từ miền Đông Nam Bộ theo đường 14 hành quân chiếm vùng ba biên giới (Việt Nam, Lào, Campuchia) để từ đó chiếm đánh các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây nguyên. Đến đầu tháng 2/1946 nhiều tỉnh lỵ và đường giao thông quan trọng ở Tây Nguyên và Nam Trung Bộ đã bị địch chiếm. Cuộc tiến công ồ ạt của địch ra các tỉnh Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên là một thử thách lớn đối với quân dân ta ở miền Nam.

Quân dân ta ở miền Nam đã chiến đấu rất ngoan cường và quyết liệt trên các mặt trận. Nhưng do chưa có thời gian chuẩn bị, lực lượng vũ trang tập trung ở miền Nam Bộ lại rời rạc và phức tạp nên cuộc kháng chiến tại đây lúc đầu gặp nhiều khó khăn lúng túng. Lợi dụng chỗ yếu của ta, thực dân Pháp đã phá được vòng vây, mở rộng cùng chiếm đóng. Giữa lúc đó, ngày 25/10/1945 Hội nghị toàn xứ Đảng bộ Nam Bộ họp tại Thiên Hộ (Cái Bè, Mỹ Tho). Ngoài đại biểu các Đảng bộ tỉnh và thành phố ở Nam Bộ, về dự Hội nghị có đồng chí Hoàng Quốc Việt, đại diện Ban thường vụ Trung ương Đảng và các đồng chí Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng. Hội nghị đã quyết định những vấn đề quan trọng để đẩy mạnh cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, như tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang, củng cố các đơn vị đã có và xây dựng các đơn vị mới, tổ chức lại các quân khu, khôi phục chính quyền cách mạng ở những nơi đã tan rã, chuẩn bị thành lập Ủy ban kháng chiến miền Nam, phát triển công tác ở các đô thị... Hội nghị đã cử đồng chí Tôn Đức Thắng phụ trách Ủy ban kháng chiến và chỉ đạo các

lực lượng vũ trang Nam Bộ. Hội nghị Thiên Hộ có ý nghĩa quyết định lớn đối với cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Ngoài nhiệm vụ chung cho cả nước, Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch cũng đã kịp đề ra những chủ trương để lãnh đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam. Chỉ thị “kháng chiến kiến quốc” ngày 25/11/1945 đã nêu rõ “phải động viên lực lượng toàn dân kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài”. Ban thường vụ Trung ương Đảng đã đề ra nhiệm vụ cụ thể của quân và dân ta ở miền Nam là: “cắt đứt liên lạc giữa thành phố đã lọt vào tay địch, phong tỏa những thành phố ấy về kinh tế, bao vây về chính trị, nhiễu loạn về quân sự... Phải áp dụng chiến tranh du kích triệt để và cổ động nhân dân thi hành bất hợp tác ở các thành phố quân địch làm chủ và thi hành “nhà không đồng vắng” nếu quân địch tràn về quê. Điều cốt tử là phải giữ vững liên lạc giữa các chiến khu để thống nhất chỉ huy”². Những văn kiện kể trên đã cổ vũ và hướng dẫn để duy trì, đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam.

Cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam được chính phủ Trung ương trực tiếp chỉ đạo và được cả nước chi viện về mọi mặt. Với tình cảm “máu chảy ruột mềm” với ý thức bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc, nhân dân miền Bắc nhất là thanh niên đã hăng hái gia nhập quân đội, lên đường Nam tiến. Chỉ một thời gian ngắn sau khi tiếng súng bùng nổ ở miền Nam, một số đơn vị đầu tiên của quân giải phóng ở miền Bắc đã nhanh chóng vào đến tiền tuyến miền Nam. Các đơn vị Nam tiến từ thủ đô Hà Nội, căn cứ địa Việt Bắc, các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và miền Bắc Trung Bộ đã tấp nập lên đường vào Nam đánh giặc cứu nước. Họ đã sát cánh cùng quân và dân miền Nam chiến đấu anh dũng trên các mặt trận Đông Bắc Sài Gòn, Nha Trang... Sự đóng góp sức người sức của và mọi sự chi viện khác của nhân dân miền Bắc, sự sát cánh chiến đấu với đồng bào miền Nam của các đoàn quân Nam tiến là hình ảnh vô cùng đẹp đẽ của mối tình ruột thịt Bắc Nam không gì chia cắt được của nhân dân cả nước ta.

Từ cuối tháng 10/1945, khi địch đánh rộng ra các tỉnh Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên thì cuộc chiến đấu của nhân dân ta trên các mặt trận trở nên gay go ác liệt. Nhân dân đã tích cực thực hiện làm “vườn không nhà trống”, phá hoại ngăn chặn các mũi tiến quân của địch. Ở các đô thị, các đồn điền cao su đã nổi lên các cuộc đấu tranh chính trị, tổng bãi công, không hợp tác với giặc. Ở mặt trận Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cuộc chiến đấu của quân dân ta nhằm ngăn chặn các cuộc tiến công của địch cũng diễn ra vô cùng ác liệt và anh dũng. Tại Nha Trang, lực lượng vũ trang địa phương và các chi đội Nam tiến đã tiêu hao, bao vây giam chân quân địch trong thành phố hơn 3 tháng liền. Tại Tây Nguyên các đội dân quân cảm tử của đồng bào dân tộc cùng các đơn vị vũ trang địa phương và các chi đội Nam tiến đã anh

² Văn kiện Đảng từ 25/12/1945 đến 31/12/1947, ST, H. 1969, tr 17-18

dũng chặn địch ở nhiều nơi, bảo toàn được lực lượng kháng chiến trong điều kiện lực lượng so sánh rất chênh lệch về phía địch

Trải qua 5 tháng kháng chiến (tháng 9/1945-2/1946) là sự thử thách đầy gian khổ đối với quân dân miền Nam, đối với cả dân tộc ta và cả chế độ mới. Cuộc chiến đấu anh dũng đó đã ngăn chặn từng bước tiến công của địch, phát triển chiến tranh du kích, giữ vững và mở rộng lực lượng, tích lũy được kinh nghiệm chiến đấu, góp phần bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng, tạo điều kiện cho cả nước chuẩn bị lực lượng về mọi mặt cho cuộc kháng chiến toàn quốc về sau.

3. Khắc phục hậu quả chiến tranh, bước đầu xây dựng đất nước về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa giáo dục và ngoại giao

a/ Giữ vững, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, xây dựng nền móng của chế độ mới

Ngay sau khi giành được chính quyền, chính phủ đã ban hành nhiều sắc lệnh và nghị định để bảo vệ và củng cố chính quyền, coi đây là nhiệm vụ hết sức cấp bách, sống còn của nhân dân ta lúc này. Chính quyền là công cụ sắc bén để giữ vững trật tự an ninh, đảm bảo quyền tự do dân chủ cho nhân dân. Điều quan trọng và cấp bách hơn cả là phải tranh thủ thời gian để tổ chức tổng tuyển cử, bầu cử Quốc hội và thành lập Chính phủ chính thức. Thông qua tổng tuyển cử mà thực hiện quyền dân chủ cao nhất của quần chúng, để hợp tác hóa bộ máy nhà nước về mặt nguyên tắc và để lập ra một hiến pháp đặt nền tảng cho chế độ xã hội mới.

Vì vậy, chỉ một ngày sau khi nhà nước cách mạng ra đời, trong phiên họp đầu tiên của chính phủ lâm thời, ngày 3/ 9/1945, Hồ Chủ tịch đã đề nghị phải tổ chức tổng tuyển cử càng sớm càng tốt, với chế độ phổ thông đầu phiếu. Trên cơ sở đó ngày 8/9/1945 Chủ tịch chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đã ra sắc lệnh số 14 về cuộc tổng tuyển cử để bầu quốc hội. Bản sắc lệnh đã khẳng định yêu cầu bức thiết của tổng tuyển cử và chúng ta đã có đủ cơ sở pháp lý, có đủ những điều kiện khách quan và chủ quan để tiến hành cuộc tổng tuyển cử đó. Sắc lệnh quy định: “Trong một thời hạn 2 tháng kể từ ngày ký sắc lệnh này sẽ mở cuộc tổng tuyển cử để bầu Quốc dân đại hội” (Điều 1); “Tất cả công dân Việt Nam, cả trai và gái từ 18 tuổi trở lên đều có quyền tuyển cử và ứng cử, trừ những người đã bị tước mất quyền công dân và những người trí óc không bình thường” (Điều 2); “số đại biểu của quốc dân Đại hội ấn định là 330 người” (Điều 3); “Một ủy ban đề dự thảo thể lệ cuộc tổng tuyển cử sẽ được thành lập” (Điều 5)³. Bản sắc lệnh còn quy định một số vấn đề liên quan đến việc dự thảo Hiến pháp trình quốc hội và trách nhiệm thi hành.

³ Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, số 1, 29/9/1945

Bằng ý chí sắt đá của một dân tộc quyết tâm bảo vệ nền độc lập vừa giành được, toàn thể nhân dân Việt Nam từ Nam chí Bắc, từ miền xuôi đến miền ngược, không phân biệt trai gái trẻ già, đã giành cho ngày lịch sử trọng đại-ngày 6/1/1946: toàn dân sôi nổi đi bỏ phiếu.

Tại Hà Nội, bất chấp sự phá hoại điên cuồng của kẻ thù, nhân dân Thủ đô tập trung cao độ cho tổng tuyển cử, gần 92% cử tri cả nội thành và ngoại thành đã đi bỏ phiếu, người đạt phiếu cao nhất là Chủ tịch Hồ Chí Minh với 94,8%. Đặc biệt ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, dưới bom đạn của giặc Pháp, đông đảo nhân dân vẫn đi bỏ phiếu. Tại Nam Bộ có 42 cán bộ chiến sĩ đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ tổng tuyển cử, bất chấp sự ngăn chặn của kẻ thù, nhiều tỉnh Nam Bộ đã có số cử tri đi bầu rất cao như Sa Đéc 93,54%, Bạc Liêu 90,77% v.v...

Trên phạm vi cả nước có 89% cử tri đi bỏ phiếu. Cả nước bầu được 333 đại biểu vào quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử đã khẳng định sự ủng hộ tuyệt đối của nhân dân cả nước đối với Việt Minh, với Hồ Chủ tịch, nâng cao địa vị của Chính phủ mới do quốc hội cử ra đối với trong nước và trên trường quốc tế. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có đủ danh nghĩa đại diện cho toàn dân để giải quyết các nhiệm vụ đối nội và đối ngoại, tổ chức và lãnh đạo toàn dân thực hiện nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc.

Ngày 2/3/1946 quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa họp phiên đầu tiên và đã thông qua danh sách chính phủ liên hiệp chính thức do Hồ Chủ tịch thành lập. Ngày 4/3/1946 chính phủ họp phiên đầu tiên quyết định chính sách mọi mặt của nhà nước ta.

Sau cuộc bầu cử Quốc hội, tại các địa phương thuộc Trung Bộ và Bắc Bộ, nhân dân đã bầu ra Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp từ xã lên tỉnh. Ủy ban hành chính các cấp thay thế cho ủy ban nhân dân. Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân các cấp bước đầu được củng cố và kiện toàn, đã thực sự trở thành chỗ dựa kiên cố cho chính quyền cách mạng Trung ương tồn tại phát triển trước sự tấn công thâm độc của bọn đế quốc và tay sai.

Trong tình hình đất nước đang đứng trước thù trong giặc ngoài đe dọa nghiêm trọng, việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cũng là một nhiệm vụ cấp bách và vô cùng quan trọng. Khắp nơi trên cả nước, phong trào luyện tập quân sự, tìm kiếm vũ khí diễn ra sôi nổi trong các tầng lớp các giới lao động. Các đội tự vệ từ chỗ là lực lượng xung kích của toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong tổng khởi nghĩa tháng Tám nay được củng cố mở rộng thành công cụ sắc bén để bảo vệ chính quyền cách mạng ở cơ sở. Chỉ trong thời gian ngắn từ khi cách mạng tháng Tám thắng lợi đến cuối 1945, lực lượng dân quân tự vệ đã tăng lên hàng chục vạn người có mặt ở hầu hết thôn